

Bản án số: 637/2021/DS-PT

Ngày: 29/11/2021

“V/v tranh chấp về phân chia di sản thừa kế và yêu cầu tuyên bố di chúc hợp pháp”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- TH1nh phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn N Tài

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị T1 H

Bà Phan Thị Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Phạm Thị Trúc Đào và bà Nguyễn Thị Thanh Nga, Thư ký Tòa án nhân dân TH1nh phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TH1nh phố Hồ Chí Minh: Ông Đỗ Đ Toàn – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 23 và 29 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân TH1nh phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 170/2020/TLPT - DS ngày 13 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp về phân chia di sản thừa kế”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 2325/2019/DS-ST ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận BT, TH1nh phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3919/2021/QĐ-PT ngày 26 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Duy Đ, sinh năm 1965, cư trú tại 547 đường ĐBP, Phường 25, quận BT, TH1nh phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trương Thị H – thuộc Văn phòng Luật sư Trương Thị H. (có mặt)

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1963, cư trú tại 15/83/151 Võ Duy Ninh, Phường 22, quận BT, TH1nh phố Hồ Chí Minh; (có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1968, cư trú tại 330/24 Phạm Văn Hai, Phường 3, quận Tân Bình, TH1nh phố Hồ Chí Minh; (có mặt)

3. Bà Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1970, cư trú tại 547 ĐBP, Phường 25, quận BT, TH1nh phố Hồ Chí Minh; Bà L có người đại diện theo ủy quyền là Bà Nguyễn Thị Thanh N, cư trú tại 547 ĐBP, Phường 25, quận BT, TH1nh phố

Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền số 6817, quyền số 4 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/4/2017 tại Văn phòng Công chứng quận BT; (có mặt)

4. Bà Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1972, cư trú tại 46/6A, Tổ 6, Khu phố 6, đường Xuyên Á, phường Đông Hòa, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương; (có mặt)

5. Bà Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm 1975, cư trú tại Tổ 17, Khu phố 2, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; (có mặt)

6. Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1980, cư trú tại 547 đường ĐBP, Phường 25, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn: Luật sư Trần Minh H – thuộc Văn phòng Luật sư Gia đình. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Phòng Công chứng số 6 Thành phố Hồ Chí Minh; Trụ sở tại 47A Nguyễn Văn Đ, Phường 6, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh. Có Người đại diện theo ủy quyền là bà Trần Bảo TH, địa chỉ liên lạc tại 47A Nguyễn Văn Đ, Phường 6, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh. (Giấy ủy quyền số 292/CC6 ngày 29/6/2017) (có đơn yêu cầu xin giải quyết vắng mặt)

2. Ông Phan Đ T (có mặt);

3. Bà Nguyễn Thị Thu H (có mặt);

4. Ông Nguyễn Phi L (có đơn yêu cầu xin giải quyết vắng mặt);

5. Bà Nguyễn Thị Kim T2 (có đơn yêu cầu xin giải quyết vắng mặt);

6. Bà Nguyễn Thị Phương T3 (có mặt);

Cùng địa chỉ: 547 đường ĐBP, Phường 25, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị Thanh T1, bà Nguyễn Thị Thanh M, bà Nguyễn Thị Thanh N – Bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN

Các đương sự xác định: ông Nguyễn Văn P (chết ngày 07/9/2016) và bà Nguyễn Thị T (chết ngày 29/01/2007) chung sống với nhau có tất cả 07 người con ruột gồm: bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị Thanh H, ông Nguyễn Văn Duy Đ, bà Nguyễn Thị Thanh L, bà Nguyễn Thị Thanh T1, bà Nguyễn Thị Thanh M, bà Nguyễn Thị Thanh N. Ông P, bà T mất đi có để lại di sản thừa kế là căn nhà tại địa chỉ số 547 ĐBP, Phường 25, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn nhà trên hiện đang do gia đình ông Nguyễn Văn Duy Đ và gia đình bà Nguyễn Thị Thanh N quản lý sử dụng.

Các đương sự cũng xác định: Cha của ông P tên Nguyễn Văn Đại, chết năm 1993, không có làm giấy khai tử, mẹ của ông P tên Nguyễn Thị Nguyên, chết năm 1981 không có làm giấy khai tử; Cha của bà T tên Đỗ Đắc Hiếu, chết năm 1997, không có làm giấy khai tử, mẹ của bà T tên Trần Thị Hương, chết năm 1997, không có làm giấy khai tử.

Nguyên đơn, ông Nguyễn Văn Duy Đ tại Đơn khởi kiện ngày 20/12/2016, đơn khởi kiện bổ sung ngày 23/5/2018 và các bản tự khai, các biên bản hòa giải trình bày:

Bà T chết ngày 29/01/2007, không để lại di chúc. Ông P chết ngày 07/9/2016, trước khi chết ông P có để lại di chúc, di chúc được Phòng công chứng số 6 TH1nh phố Hồ Chí Minh chứng nhận số công chứng 36559, quyền số 11 ngày 22/11/2012. Theo nội dung di chúc thì ông Đ được thừa kế di sản do ông P để lại gồm phần thuộc quyền sở hữu của ông P và phần ông P được thừa kế của bà T đối với nH1 đất tại địa chỉ số 547 ĐBP, Phường 25, quận BT, TH1nh phố Hồ Chí Minh. Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận di chúc ngày 22/11/2012 của ông Nguyễn Văn P và phân chia di sản thừa kế của bà T là $\frac{1}{2}$ giá trị nH1 đất tại địa chỉ số 547 đường ĐBP, Phường 25, quận BT, TH1nh phố Hồ Chí minh tH1nh 08 phần, mỗi người con 01 phần, ông P 01 phần, Ông được hưởng thêm 01 phần của ông P theo nội dung di chúc nêu trên. Ông chỉ có 01 bản di chúc, bản di chúc còn lại ông P giữ, Ông không biết hiện giờ bản di chúc của ông P ở đâu và Ông tự nguyện chịu toàn bộ chi phí định giá và xem xét thẩm định tại chỗ, không yêu cầu các bị đơn phải chịu và không yêu cầu Tòa án xem xét lại phần chi phí định giá và xem xét thẩm định tại chỗ.

Các bị đơn gồm bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị Thanh N, bà Nguyễn Thị Thanh T1, bà Nguyễn Thị Thanh M, bà Nguyễn Thị Thanh L (có bà Nguyễn Thị Thanh N làm đại diện theo ủy quyền) tại các văn bản trình bày ý kiến, các bản tự khai, các biên bản hòa giải trình bày:

Bà T chết ngày 29/01/2007, không để lại di chúc. Ông P chết ngày 07/9/2016 không để lại di chúc. Các bị đơn không đồng ý với ý kiến của ông Đ vì theo các bị đơn di chúc ngày 22/11/2012 này không hợp pháp do chữ ký và chữ viết của ông Nguyễn Văn P trong di chúc là không đúng nhưng các bị đơn không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh. Hơn nữa cùng một thời điểm chữ ký trên 02 bản di chúc theo các bị đơn là không giống nhau, trong thời gian lập di chúc ông P đã qua 03 lần bị tai biến, lần bị tai biến gần nhất là tháng 06 năm 2012 (có giấy xác nhận bệnh nhân khám và điều trị bệnh số 134/XN-BV ngày 27/9/2016 của bệnh viện quận BT) và tinh thần của ông P không được minh mẫn. Đối với phiếu khám sức khỏe của bệnh viện BT ngày 13/11/2012 do Phòng công chứng số 6 TH1nh phố Hồ Chí Minh cung cấp cho Tòa án là không đủ cơ sở để chứng minh sự minh mẫn của ông P khi lập di chúc. Theo công văn số 322/CC6 ngày 19/8/2019 của Phòng công chứng số 6 TH1nh phố Hồ Chí Minh gửi cho Tòa án thì không nêu rõ tại sao các chữ ký trong 02 bản di chúc khác nhau. Đối với phần di sản của ông P đề nghị Tòa án chia tH1nh 07 phần bằng nhau cho 07 người con của ông P, bà T, đề nghị chia theo pháp luật. Đối với phần di sản của bà T đề nghị chia theo pháp luật, chia tH1nh 07 phần bằng nhau vì hiện nay ông P đã chết thì không chia phần cho ông P nữa. Các bị đơn thống nhất xác định không có yêu cầu phản tố.

Các bị đơn cùng thống nhất xác định: Do các bị đơn chưa tìm được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào khác có chữ viết, chữ ký của ông P nên đề nghị Tòa án không tiến H1nh trưng cầu giám định T3 chữ ký, chữ viết và dấu vân tay của

ông P đổi hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nH1 số công chứng 1651 ngày 01/3/2001 tại Phòng Công chứng số 1 TH1nh phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Phòng Công chứng số 6 TH1nh phố Hồ Chí Minh (do bà Trần Bảo TH làm đại diện theo ủy quyền) tại Bản tự khai ngày 29/6/2017 đã trình bày:

Ngày 22/11/2012 ông Nguyễn Văn P có yêu cầu Phòng Công chứng số 6 TPHCM chứng nhận Di chúc đối với phần thuộc quyền của ông P và phần ông P được thừa kế từ vợ là bà Nguyễn Thị T-chết ngày 29/01/2007 trong căn nH1 và quyền sử dụng đất tại địa chỉ 547 ĐBP, Phường 25, quận BT, TPHCM cho ông Nguyễn Văn Duy Đ, CMND số 023202978 và đã xuất trình các loại giấy tờ sau: Giấy chứng minh nhân dân, hộ khẩu của ông P, ông Đ; Giấy chứng minh nhân dân, hộ khẩu của người làm chứng là ông Kim Văn T3; Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của ông P; Giấy chứng tử của bà Nguyễn Thị T; Phiếu khám sức khỏe của ông P; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nH1 ở và quyền sử dụng đất ở số: 1671/2001 do UBND quận BT TPHCM cấp ngày 30/6/2004; Tờ khai lệ phí trước bạ ngày 19/9/2004; quyết định về việc đổi số nH1. Căn cứ các quy định của pháp luật hiện H1nh thì tH1nh phần hồ sơ công chứng do ông P xuất trình như đã nêu trên là đầy đủ. Do vậy, Phòng Công chứng số 6 đã thụ lý giải quyết hồ sơ và Công chứng viên của Phòng Công chứng số 6 đã chứng nhận Di chúc số công chứng 36559. Đối chiếu với quy định pháp luật, việc Công chứng viên Phòng Công chứng số 6 TP Hồ Chí Minh đã chứng nhận di chúc nêu trên là hoàn toàn đúng theo trình tự, thủ tục luật định”.

Tại bản tự khai ngày 19/9/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phan Đ Thọ trình bày: Ông là chồng bà Nguyễn Thị Thanh N, Ông không bỏ ra chi phí lớn sửa chữa nH1 ở chung, không yêu cầu bồi thường, Ông không có ý kiến gì về việc tranh chấp thừa kế giữa nguyên đơn và các bị đơn.

Tại bản tự khai ngày 29/5/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Thu H1 Trình bày: Bà là vợ của ông Đ, Bà ở căn nH1 trên từ năm 1991 đến nay, Bà không có sửa chữa trong căn nH1, Bà không có yêu cầu và cũng không có ý kiến gì đối với việc tranh chấp thừa kế giữa nguyên đơn và các bị đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Phi Long, bà Nguyễn Thị Kim Thảo, bà Nguyễn Thị Phương Trang trình bày: Các ông bà là con của ông Đ, bà H1. Các ông bà không có ý kiến gì về tranh chấp giữa nguyên đơn và các bị đơn nêu trên.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 2325/2019/DS-ST ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận BT đã tuyên xử:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 92, 227, 273 của bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 633, 646, 647, 648, 652, 657, 674, 675, 676 của Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 611, 612, 624, 625, 626, 630, 635, 636, 651, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Luật Thi H1nh án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Duy Đ.

Xác định nH1 đất tại địa chỉ số 547 đường ĐBP, Phường 25, quận BT, TH1nh phố Hồ Chí Minh là di sản của ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị T.

Tuyên bố di chúc do ông Nguyễn Văn P lập ngày 22/11/2012 được Phòng công chứng số 6 TH1nh phố Hồ Chí Minh chứng nhận số công chứng 36559, quyền số 11 ngày 22/11/2012 là hợp pháp.

Ông Nguyễn Văn Duy Đ được hưởng phần di sản thừa kế là 7.923.923.750 đồng tương đương 10/16 trị giá nH1 đất tại địa chỉ số 547 đường ĐBP, Phường 25, quận BT, TH1nh phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị X được hưởng phần di sản thừa kế là 792.365.375 đồng, tương đương 1/16 trị giá nH1 đất tại địa chỉ số 547 đường ĐBP, Phường 25, quận BT, TH1nh phố Hồ Chí minh.

Bà Nguyễn Thị Thanh H được hưởng phần di sản thừa kế là 792.365.375 đồng, tương đương 1/16 trị giá nH1 đất tại địa chỉ số 547 đường ĐBP, Phường 25, quận BT, TH1nh phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị Thanh L được hưởng phần di sản thừa kế là 792.365.375 đồng, tương đương 1/16 trị giá nH1 đất tại địa chỉ số 547 đường ĐBP, Phường 25, quận BT, TH1nh phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị Thanh N được hưởng phần di sản thừa kế là 792.365.375 đồng, tương đương 1/16 trị giá nH1 đất tại địa chỉ số 547 đường ĐBP, Phường 25, quận BT, TH1nh phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị Thanh T1 được hưởng phần di sản thừa kế là 792.365.375 đồng, tương đương 1/16 trị giá nH1 đất tại địa chỉ số 547 đường ĐBP, Phường 25, quận BT, TH1nh phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị Thanh M được hưởng phần di sản thừa kế là 792.365.375 đồng, tương đương 1/16 trị giá nH1 đất tại địa chỉ số 547 đường ĐBP, Phường 25, quận BT, TH1nh phố Hồ Chí Minh.

Giao cho Chi cục Thi H1nh án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản là nH1 đất tại số 547 đường ĐBP, Phường 25, quận BT, TH1nh phố Hồ Chí Minh để thi H1nh án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn Duy Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 115.923.924 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Đ đã đóng theo Biên lai thu số 0009548 ngày 03/01/2017 là 2.500.000 đồng và biên lai thu số 0004605 ngày 24/5/2018 là 300.000 đồng của Chi cục Thi H1nh án dân sự quận BT. Ông Đ còn phải đóng thêm là 113.123.924 đồng.

Bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị Thanh L, bà Nguyễn Thị Thanh N, bà Nguyễn Thị Thanh T1, bà Nguyễn Thị Thanh M mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 35.694.615 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quy định về thi hành án cho các bên đương sự.

Ngày 24/12/2019 các bị đơn Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị Thanh N đã nộp đơn kháng cáo.

Ngày 27/12/2019, các bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T1, bà Nguyễn Thị Thanh M đã nộp đơn kháng cáo.

Đơn kháng cáo của các bị đơn nói trên có cùng nội dung, các bị đơn cho rằng: Trong quá trình xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm có nhiều thiếu sót, bỏ qua nhiều tình tiết không rõ ràng, mâu thuẫn dẫn đến việc ban hành bản án không khách quan, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn và trái pháp luật. Vì vậy các bị đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử, xem xét hủy di chúc đề ngày 22/11/2012 và tiến hành chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông Nguyễn Văn P là căn nhà tại địa chỉ số 547 đường ĐBP, Phường 25, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích của người kháng cáo (các bị đơn) Luật sư Hùng trình bày:

Các bị đơn kháng cáo yêu cầu hủy di chúc lập ngày 22/11/2012 do di chúc này không hợp pháp là có căn cứ bởi các lý do sau:

(1) Tại thời điểm xác lập di chúc, tình trạng sức khỏe của ông P không tốt, việc đi lại khó khăn, trước đó đã 3 lần bị tai biến nên không còn minh mẫn sáng suốt. Phiếu khám sức khỏe của ông P có trong hồ sơ công chứng được Bệnh viện quận BT lập không có nội dung khám sức khỏe để lập di chúc nên không chứng minh được tại thời điểm lập di chúc;

(2) Quy trình thủ tục công chứng di chúc do Phòng công chứng số 6 thực hiện không đúng quy định của pháp luật: Phiếu yêu cầu công chứng di chúc không do người lập di chúc ký tên yêu cầu, chữ ký mang tên ông P ở trang 1 và trang 2 của di chúc theo kết luận giám định không phải do một người ký ra; Phần ngày tháng xác lập trên di chúc được ghi không thống nhất, có dấu hiệu làm hồ sơ không khách quan

(3) ông P sống chung với gia đình ông Đ và gia đình bà N tuy nhiên ông Đ bà N và các người con khác đều nói không có đưa ông P đi công chứng di chúc. Theo Phiếu yêu cầu công chứng di chúc lưu tại hồ sơ do Phòng công chứng số 6 cung cấp thì người ký tên trên phiếu là ông Đ, chứng minh ông Đ là người đưa ông P đi công chứng di chúc, tuy nhiên tại phiên tòa ngày 18/5/2020 ông Đ xác định mình không có đưa ông P đi công chứng di chúc, đến phiên tòa ngày 23/11/2021 thì ông Đ nói rằng mình không nhớ là không trung thực. Ông

Đ là người được thừa hưởng di sản theo di chúc này nên việc xác lập di chúc trong khi ông P không minh mẫn sáng suốt có dấu hiệu không khách quan.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị đơn, hủy di chúc ngày 22/11/2012 do di chúc không hợp pháp và tiến H1nh chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông P bà T để lại, chia đều cho các con. Trong trường hợp hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đề nghị hội đồng xét xử xem xét hủy án theo quy định của pháp luật.

Các bị đơn kháng cáo trình bày: Thống nhất với ý kiến tranh luận của Luật sư Hùng, đề nghị Cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, hủy di chúc đề ngày 22/11/2012 và tiến H1nh chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị T để lại. Các bị đơn xác định căn nH1 547 đường ĐBP, Phường 25, quận BT là do ông Phong bà T xây dựng. Quá trình sử dụng các con không có đóng góp gì chi phí xây dựng sửa chữa nH1, toàn bộ là ông ông P bà T bỏ ra. Sau khi ông P bà T chết, căn nH1 này do gia đình ông Đ và gia đình bà N sinh sống, không có sửa chữa nH1 hoặc bỏ ra chi phí gì. Ông P bà T không có nợ ai hay phải thực hiện nghĩa vụ tài sản gì do người chết để lại.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị Thanh N trình bày bổ sung: Hiện nay, vợ chồng bà và các con đang sống tại (ở tầng 2) căn nH1 547 đường ĐBP, Phường 25, quận BT, còn gia đình ông Đ ở tầng 1, tầng trệt thì ông Đ sử dụng để kinh doanh. Đề nghị Tòa án khi tiến H1nh phân chia di sản thì xem xét cho bà được nhận căn nH1 này, bà sẽ hoàn lại cho các đồng thừa kế khác phần thừa kế mà họ hưởng bằng tiền.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị Thanh L không kháng cáo có bà Nguyễn Thị Thanh N đại diện trình bày: Bà L thống nhất với ý kiến của các bị đơn khác, đề nghị sửa án sơ thẩm, hủy di chúc lập ngày 22/11/2012, chia di sản theo pháp luật cho các đồng thừa kế.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn, Luật sư Trương Thị Hoà trình bày:

Cấp sơ thẩm đã xét xử, xác định công nhận di chúc ngày 22/11/2012 do ông Nguyễn Văn P xác lập là hợp pháp là có căn cứ. Đây là di chúc được xác lập tại Phòng công chứng số 6, có người làm chứng theo đúng quy định của Luật công chứng. Phiếu khám sức khỏe của ông P tại Bệnh viện quận BT thể hiện ông P đủ sức khỏe. Dấu vân tay dưới chữ ký của ông P trên di chúc đã được cơ quan giám định kết luận là dấu vân tay của ông P. Di chúc ngày 22/11/2012 thể hiện ý nguyện của người lập di chúc là ông P muốn để lại phần tài sản của mình cho ông Đ. Cơ quan công chứng đã thực hiện đúng các quy định về công chứng. Cấp sơ thẩm đã xác định đúng về di sản của ông P bà T để lại, xác định đúng các đồng thừa kế di sản theo pháp luật và chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của bà T để lại, công nhận di chúc hợp pháp và ông Đ được hưởng phần di sản của ông P để lại theo di chúc là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Nguyên đơn trình bày: Thống nhất với ý kiến tranh luận của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa ngày 18/5/2020, nguyên đơn xác định mình không có đưa ông P đi công chứng di chúc. Đến phiên tòa ngày 23/11/2021, nguyên đơn nói mình không nhớ rõ có đưa ông P đi lập di chúc hay không. Ông Đ xác định mình không có đóng góp chi phí xây dựng hay sửa chữa gì đối với căn nhà 547 đường ĐBP, Phường 25, quận BT và không yêu cầu bồi hoàn chi phí gì. Ông đề nghị Tòa án khi tiến hành phân chia di sản thì xem xét cho ông được nhận căn nhà này, ông sẽ hoàn lại cho các đồng thừa kế khác phần thừa kế mà họ hưởng bằng tiền.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Phòng công chứng số 6 có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Phan Đ Thọ xác nhận: Ông không có tranh chấp hay yêu cầu gì đối với việc phân chia di sản của ông P, bà T cho các đồng thừa kế là các chị em bà X, ông Đ. Ông hiện ở cùng với bà N và các con tại căn nhà 547 đường ĐBP, Phường 25, quận BT. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị Thu H xác nhận: Bà không có tranh chấp hay yêu cầu gì đối với việc phân chia di sản của ông P, bà T cho chồng bà (ông Đ) và các đồng thừa kế khác là các chị em của ông Đ. Đề nghị Hội đồng xét xử y án sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị Phương Trang xác nhận: Bà không có tranh chấp hay yêu cầu gì đối với việc phân chia di sản của ông P, bà T cho cha bà (ông Đ) và các cô (các chị em của ông Đ). Đề nghị Hội đồng xét xử y án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TH phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của các bị đơn nằm trong hạn luật định nên được chấp nhận hợp lệ. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do việc thu thập thêm chứng cứ, xác minh và giám định cũng như do dịch bệnh nên việc xét xử phúc thẩm kéo dài, đề nghị Cấp phúc thẩm rút kinh nghiệm.

Về nội dung, sau khi phân tích những tình tiết có liên quan đến vụ án, trên cơ sở Bộ luật dân sự, Bộ luật tố tụng dân sự, xét thấy Cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ tình trạng minh mẫn, sáng suốt của người lập di chúc tại thời điểm xác lập di chúc, việc đánh giá chứng cứ chưa khách quan và toàn diện. Viện kiểm sát nhân dân TH phố Hồ Chí Minh đề nghị đề nghị chấp nhận kháng cáo của các bị đơn, hủy bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quyền kháng cáo: Kháng cáo của bị đơn nằm trong hạn luật định phù hợp khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận di chúc ngày 22/11/2012 của ông Nguyễn Văn P và phân chia di sản thừa kế của bà T là $\frac{1}{2}$ giá trị NH1 đất tại địa chỉ số 547 đường ĐBP, Phường 25, quận BT, TH1nh phố Hồ Chí Minh TH1nh 08 phần, mỗi người con 01 phần, ông P 01 phần và nguyên đơn được hưởng thêm 01 phần của ông P theo nội dung di chúc nêu trên. Trong vụ kiện này có hai quan hệ pháp luật được đương sự yêu cầu Toà án giải quyết, đó là:

- Quan hệ pháp luật liên quan đến yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với di sản bà T để lại là $\frac{1}{2}$ giá trị NH1 đất tại địa chỉ số 547 đường ĐBP, Phường 25, quận BT và công nhận việc nguyên đơn được hưởng thừa kế theo di chúc đối với di sản do ông P để lại là $\frac{1}{2}$ giá trị NH1 đất tại địa chỉ số 547 đường ĐBP, Phường 25, quận BT. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ kiện là tranh chấp về di sản thừa kế được quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là đúng quy định.

- Đối với yêu cầu Tòa án công nhận di chúc ngày 22/11/2012 của ông Nguyễn Văn P. Di chúc này được xác lập tại cơ quan công chứng có thẩm quyền chứng thực. Về nguyên tắc, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 6 Luật công chứng năm 2006 có nội dung *“Văn bản công chứng có giá trị chứng cứ; những tình tiết, sự kiện trong văn bản công chứng không phải chứng minh, trừ trường hợp bị Toà án tuyên bố là vô hiệu.”*, di chúc này có hiệu lực kể từ thời điểm công chứng và quyền được hưởng thừa kế của người được thừa kế phát sinh kể từ thời điểm mở thừa kế. Do các bị đơn cho rằng di chúc này là bất hợp pháp nên nguyên đơn yêu cầu Toà án công nhận công nhận di chúc ngày 22/11/2012 của ông Nguyễn Văn P nhằm xác định tính hợp pháp của di chúc. Căn cứ quy định tại Điều 116 Bộ luật dân sự năm 2005, lập di chúc là một H1nh vi pháp lý đơn phương của người để lại di chúc nhằm *“làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự”* là một giao dịch dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong trường hợp này là công nhận tính hợp pháp của một giao dịch dân sự, do đó cần căn cứ thêm quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xác định thêm quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về giao dịch dân sự.

[1.3] Cấp sơ thẩm căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xác định thẩm quyền giải quyết của Toà án cấp quận huyện là đúng, tuy nhiên Cấp sơ thẩm căn cứ địa chỉ của bị đơn tại quận BT và áp dụng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là chưa chính xác bởi đây là vụ án tranh chấp liên quan đến bất động sản, di sản thừa kế toạ lạc tại quận BT nên cần áp dụng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận BT.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của các bị đơn, nhận thấy:

[2.1] Về di sản thừa kế:

Cấp sơ thẩm căn cứ: Giấy chứng nhận quyền sở hữu nH1 ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 1671/2004 ngày 30/6/2004 do Ủy ban nhân dân quận BT, tH1nh phố Hồ Chí Minh cấp xác định nH1 đất tại số 547 ĐBP, Phường 25, quận BT, TH1nh phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu sử dụng của ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị T; Ông Nguyễn Văn P sinh năm 1941, chết ngày 17/9/2016 có Giấy Trích lục khai tử số 742/TLKT-BS do Ủy ban nhân dân Phường 25 quận BT, TH1nh phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/9/2016 và bà Nguyễn Thị T sinh năm 1947, chết ngày 29/01/2007 có Giấy chứng tử số 17, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân Phường 25 quận BT, TH1nh phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/02/2007. Xác định nH1 đất tại số 547 ĐBP, Phường 25, quận BT, TH1nh phố Hồ Chí Minh là di sản của ông P, bà T chết để lại là đúng quy định.

[2.2] Nguyên đơn và các bị đơn xác định ông P bà Tuyết chết không có các nghĩa vụ tài sản và các khoản chi phí liên quan đến thừa kế phát sinh.

[2.3] Những người đang cư trú tại nH1 đất là di sản thừa kế tại số 547 ĐBP, Phường 25, quận BT, TH1nh phố Hồ Chí Minh gồm gia đình của ông Nguyễn Văn Duy Đ (và vợ và các con) và gia đình bà Nguyễn Thị Thanh N (và chồng và các con), cũng như các người con khác của ông P bà T đều xác định không có bất kỳ đóng góp nào trong việc xây dựng, sửa chữa, duy tu nH1 đất tại số 547 ĐBP, Phường 25, quận BT, TH1nh phố Hồ Chí Minh nên không có bất kỳ tranh chấp nào có liên quan đến di sản thừa kế và chi phí quản lý sử dụng di sản sau khi người để lại di sản thừa kế chết.

[2.4] Về H1ng thừa kế:

Cấp sơ thẩm căn cứ Giấy khai sinh của nguyên đơn và các bị đơn cung cấp, các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự xác định ông P bà T có 7 người con gồm Bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị Thanh H, ông Nguyễn Văn Duy Đ, bà Nguyễn Thị Thanh L, bà Nguyễn Thị Thanh T1, bà Nguyễn Thị Thanh M, bà Nguyễn Thị Thanh N. Ngoài ra ông P, bà T không còn người con nào khác.

Cha của ông P tên Nguyễn Văn Đại, chết năm 1993, không có làm giấy khai tử, mẹ của ông P tên Nguyễn Thị Nguyên, chết năm 1981 không có làm giấy khai tử. Cha của bà T tên Đỗ Đắc Hiếu, chết năm 1997, không có làm giấy khai tử, mẹ của bà T tên Trần Thị Hương, chết năm 1997, không có làm giấy khai tử.

Nguyên đơn, bị đơn xác định bà T chết năm 2007 không để lại di chúc, ông P chết năm 2016 nên có cơ sở xác định H1ng thừa kế thứ nhất của bà T gồm: Bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị Thanh H, ông Nguyễn Văn Duy Đ, bà Nguyễn Thị Thanh L, bà Nguyễn Thị Thanh T1, bà Nguyễn Thị Thanh M, bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Nguyễn Văn P theo quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 676 của Bộ luật dân sự năm 2005 và điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.5] Cấp sơ thẩm xác định chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản do bà T để lại và tiền H1nh phân chia cho mỗi đồng thừa kế 1/16 giá trị nH1 đất tại số 547 ĐBP, Phường 25, quận BT, TH1nh phố Hồ Chí Minh là đúng quy định.

[2.6] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án công nhận di chúc lập ngày 22/11/2012 của ông Nguyễn Văn P được Cấp sơ thẩm chấp nhận tuyên bố di chúc do ông Nguyễn Văn P lập ngày 22/11/2012 được Phòng công chứng số 6 TH1nh phố Hồ Chí Minh chứng nhận số công chứng 36559, quyển số 11 ngày 22/11/2012 là hợp pháp. Các bị đơn (trừ bà Nguyễn Thị Thanh L) kháng cáo cho rằng di chúc này là không hợp pháp bởi nhiều lý do và yêu cầu Tòa án Cấp phúc thẩm sửa án, huỷ di chúc và tiền H1nh phân chia di sản của ông P theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[2.6.1] Quá trình thu thập tài liệu chứng cứ, trong hồ sơ vụ án, Cấp sơ thẩm đã thu thập được 3 (ba) bản khác nhau của Di chúc số công chứng 36559 gồm:

1/ Di chúc số công chứng 36559, quyển số 11 ngày 22/11/2012 tại Phòng Công chứng số 6 của ông Nguyễn Văn P (Bản chính). (tài liệu này do ông Nguyễn Văn Duy Đ nộp để phục vụ cho yêu cầu giám định tại Cấp sơ thẩm)

2/ Bản sao Di chúc số công chứng 36559, quyển số 11 ngày 22/11/2012 được lưu tại Phòng Công chứng số 6 do Phòng Công chứng số 6 đóng dấu treo cung cấp theo yêu cầu của Tòa án nhân dân quận BT;

3/ Bản sao Di chúc số công chứng 36559, quyển số 11 ngày 22/11/2012 được UBND Phường 14 Quận BT, TH1nh phố Hồ Chí Minh chứng thực sao y ngày 21/12/2016 do ông Nguyễn Văn Duy Đ nộp khi khởi kiện vụ án.

Phù hợp với nội dung được Phòng Công chứng số 6 xác nhận tại văn bản di chúc là di chúc này được lập th1nh 03 (ba) bản, người lập di chúc giữ 02 (hai) bản và Phòng Công chứng số 6 lưu giữ 01 (một) bản trong hồ sơ công chứng.

Đặc điểm của cả ba bản di chúc này ngoài sự khác nhau về vị trí xác lập các chữ ký, dấu vân tay “TP” ghi “ô.P” và vị trí của các chữ viết xác lập nội dung của người làm chứng Kim Văn T3 thì toàn bộ hình thức thể hiện và các kết cấu khác đều giống nhau.

[2.6.2] Về người lập di chúc và tình trạng sức khoẻ của người lập di chúc:

* Người lập di chúc là ông Nguyễn Văn P (sinh ngày 03/7/1941, mất ngày 07/9/2016): Theo ghi nhận của Công chứng viên tại bản sao Giấy chứng minh nhân dân số 020615762 cấp ngày 09/12/1999 (có trong hồ sơ lưu của Phòng Công chứng số 6) thể hiện “người lập di chúc lặn tay ngón trỏ và trỏ trái bị tai biến nên Công an không lưu vào giấy CMND”; Trong hồ sơ lưu của cơ quan công chứng không có bất kỳ tài liệu nào khác của cơ quan nH1 nước có thẩm quyền chứng minh về nhân thân của người lập di chúc. Dấu vân tay là một trong những căn cứ để nhận dạng nhân thân của một cá nhân. Việc lấy dấu vân tay để ghi nhận trên văn bản công chứng nhằm mục đích để đối chiếu với dấu vân tay có trên giấy tờ tùy thân (CMND) của người yêu cầu công chứng để xác nhận có

đúng là người đó hay không, trường hợp này, cơ quan công chứng không có căn cứ nào khác để xác định nhân thân của người yêu cầu công chứng. Đây là thiếu sót của cơ quan công chứng trong việc xác định nhân thân của người lập di chúc trong trường hợp giấy tờ tùy thân của người yêu cầu công chứng di chúc không có dấu vân tay tại thời điểm xác lập di chúc.

Tại Công văn số 322/CC6 ngày 19/8/2019, Phòng công chứng số 6 trả lời có nội dung như sau: “...Trong quá trình thực hiện công chứng, công chứng viên đã lần tay công chứng để kiểm tra, xác minh nhân thân của người làm nhân chứng. Đây là một biện pháp nghiệp vụ nhằm làm rõ các yêu cầu công chứng, để đảm bảo tính xác thực của việc công chứng. Việc kiểm tra, xác minh này của công chứng viên được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 35 Luật công chứng số 82/2006/QH11 ngày 29/11/2006...”. Nội dung này đã thể hiện rõ “Dấu vân tay là một trong những căn cứ để nhận dạng nhân thân của một cá nhân” trong quá trình thực hiện công chứng.

Cấp sơ thẩm nhận định: “Căn cứ vào Kết luận giám định số 397/C54B ngày 17/01/2018 của Phân viện KH học hình sự tại THỊnh phố Hồ Chí Minh thì “1. Dấu vân tay màu đen trên trang 1 và dấu vân tay màu đen bên phải trên trang 2 dưới mục “Người lập di chúc” ghi họ tên Nguyễn Văn P của “Di chúc” lập ngày 22 tháng 11 năm 2012 tại Phòng Công chứng số 6 THỊnh phố Hồ Chí Minh, số công chứng 36559, quyển số 11 (ký hiệu A) với dấu vân tay ngón trỏ phải trên bản sao Giấy chứng minh nhân dân số 020615762 do Công an THỊnh phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 10 năm 2014 mang họ tên Nguyễn Văn P, sinh ngày 03-07-1941, nguyên quán: Ninh Bình (ký hiệu M) là do vân tay của cùng một người in ra” nên theo quy định tại Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 630 Bộ luật dân sự năm 2015 di chúc nêu trên là hợp pháp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, việc các bị đơn cho rằng tờ di chúc nêu trên không hợp pháp là không có cơ sở.” là không xem xét toàn diện các tình tiết có trong hồ sơ vụ án, không đảm bảo được tính khách quan về việc xác định thời điểm ghi nhận dấu vân tay của ông P có trùng với thời điểm xác lập di chúc hay không.

* Về tình trạng sức khỏe của người lập di chúc: Tài liệu Phiếu khám sức khỏe (số 887258) với tên người khám là ông Nguyễn Văn P được lưu trữ trong hồ sơ công chứng lập tại Bệnh viện quận BT chỉ ghi nhận nội dung khám tổng quát, tai mũi họng, mắt, răng H1m mắt, da, hệ tiết niệu, hệ sinh dục, hệ hô hấp, tim mạch bình thường và kết luận đủ sức khỏe, không có ghi rõ về tình trạng đủ sức khỏe, minh mẫn để lập di chúc.

Căn cứ Công văn số 2034/BV ngày 06/11/2020 của Bệnh viện quận BT trả lời xác minh của Tòa án cấp phúc thẩm thì:

“1... Bệnh viện quận BT xin xác nhận thông tin là từ ngày 21/5/2012 đến ngày 04/6/2012, Bệnh viện có T3 nhận khám và điều trị cho ông Nguyễn Văn P. Sinh năm 1941 với chẩn đoán “Viêm phổi nặng – Nhồi máu cơ tim – Tăng huyết áp – Rối loạn lipid máu”...

2... Ngày 13/11/2012, Bệnh viện quận BT có khám sức khỏe cho ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1941 với các nội dung đã được Bệnh viện thể hiện trong Phiếu khám sức khỏe số 887258... ngoài ra khi yêu cầu khám sức khỏe, ông P cũng không ghi mục đích yêu cầu là khám sức khỏe để lập di chúc...”

Căn cứ ghi nhận của Công chứng viên tại bản sao Giấy chứng minh nhân dân số 020615762 cấp ngày 09/12/1999 (có trong hồ sơ lưu của Phòng Công chứng số 6) thể hiện “người lập di chúc lấn tay ngón trỏ và trỏ trái bị tai biến nên Công an không lưu vào giấy CMND” và các lời trình bày của các đương sự thể hiện trước ngày 09/12/1999, ông P đã bị tai biến.

* Di chúc được lập tại Phòng Công chứng số 6 TH1nh phố Hồ Chí Minh, địa chỉ số 47A Nguyễn Văn Đậu, Phường 6, quận BT vào ngày 22/11/2012. Ông P sinh sống tại đại chỉ 547 ĐBP, Phường 25, quận BT. Tuy nhiên, qua kiểm tra tại phiên tòa ngày 18/5/2020, người được hưởng thừa kế từ di chúc là ông Nguyễn Văn Duy Đ cùng vợ và các con ông Đ, bà N, ông Thọ (là những người sống chung với ông P) xác định không đưa ông P đi công chứng và không biết ai đưa ông P đi. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 23/11/2021, ông Đ nói rằng mình không nhớ rõ ai là người đưa ông P đi công chứng di chúc. Các người con khác đều xác định mình không đưa ông P đến Phòng Công chứng số 6. Cũng tại phiên tòa ngày 23/11/2021, theo các bị đơn trình bày do ông P bị tai biến nên việc đi lại khó khăn, việc ăn uống vệ sinh cá nhân do các con ông P thực hiện. nguyên đơn xác nhận việc vệ sinh cá nhân, tắm rửa cho ông P do nguyên đơn thực hiện.

[2.6.4] Về thủ tục yêu cầu công chứng di chúc:

Khi giải quyết yêu cầu công nhận di chúc của nguyên đơn, Cấp sơ thẩm đã đưa Phòng công chứng số 6 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Hồ sơ lưu trữ việc công chứng di chúc theo yêu cầu của ông Nguyễn Văn P do Phòng Công chứng số 6 cung cấp tại Cấp sơ thẩm không có tài liệu “Phiếu yêu cầu công chứng”.

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Luật công chứng năm 2006 thì “*Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng, giao dịch theo mẫu*” là một trong các giấy tờ có trong bộ hồ sơ yêu cầu công chứng”;

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 48 Luật công chứng năm 2006 thì “*Người lập di chúc phải tự mình yêu cầu công chứng di chúc; không ủy quyền cho người khác yêu cầu công chứng di chúc.*”

Cấp phúc thẩm đã yêu cầu Phòng Công chứng số 6 cung cấp bổ sung tài liệu Phiếu yêu cầu công chứng của ông Nguyễn Văn P. Trên cơ sở tài liệu Phiếu yêu cầu do Phòng Công chứng số 6 cung cấp, nhận thấy: họ và tên người nộp phiếu là Nguyễn Văn P nhưng người ký đơn tại mục Người nộp phiếu (ký và ghi rõ họ tên) lại là ông Nguyễn Văn Duy Đ, phía dưới trang có chữ ký và dấu lấn tay có ký hiệu “TP” không ghi rõ họ tên. Ngoài ra không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện ông P ủy quyền ký tên Phiếu yêu cầu công chứng. Đủ căn cứ xác định Phòng công chứng số 6 đã có vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 48 Luật công chứng năm 2006 trong việc tiến H1nh các thủ tục công chứng di chúc, đã

không đáp ứng được điều kiện “*Người tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 122 Bộ luật dân sự năm 2005 về “Điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự”, điều kiện này là một trong ba điều kiện bắt buộc phải có đủ để giao dịch dân sự có hiệu lực.

[2.6.5] Về thời điểm ngày giờ xác lập di chúc

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 40 Luật công chứng năm 2006 thì *“Thời điểm công chứng phải được ghi cả ngày, tháng, năm; có thể ghi giờ, phút nếu người yêu cầu công chứng đề nghị hoặc công chứng viên thấy cần thiết. Các con số phải được ghi cả bằng số và chữ, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.”*

Tại cả 03 bản di chúc nêu trên, phần đầu trang 01 có ghi “Hôm nay ngày **22** tháng 11 năm 2012 (ngày mười lăm tháng mười một năm hai nghìn mười hai), vào lúc **10** giờ **30** phút.” (Với các số **22**, **10**, **30** được viết tay có màu mực xanh tương tự các số được ghi nhận tại trang 3 của di chúc). Việc khác nhau giữa ngày “**22**” (số được viết tay) và ngày “mười lăm” (được đánh vi tính) đã được Phòng công chứng số 6 trả lời tại Công văn số 322/CC6 ngày 19/8/2019 như sau: “...sở dĩ có sự khác nhau giữa ngày ghi bằng số và ngày ghi bằng chữ tại trang 1 của bản di chúc số công chứng 36559 là do sơ suất trong khâu đánh máy”.

Giải thích này của Phòng công chứng số 6 trả lời tại Công văn số 322/CC6 ngày 19/8/2019 là không thỏa đáng bởi nếu thực hiện đúng quy trình công chứng việc lập di chúc nói riêng cũng như lập các văn bản công chứng khác, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 36 Luật công chứng năm 2006 thì “3. *Người yêu cầu công chứng tự đọc dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc công chứng viên đọc cho người yêu cầu công chứng nghe. Trường hợp người yêu cầu công chứng đồng ý toàn bộ nội dung trong dự thảo hợp đồng, giao dịch thì ký vào từng trang của hợp đồng, giao dịch. Công chứng viên ghi lời chứng; ký vào từng trang của hợp đồng, giao dịch.*”. Sai sót về ngày ghi bằng số và ngày ghi bằng chữ tại trang 1 của bản di chúc rất dễ được người yêu cầu công chứng phát hiện trừ trường hợp việc ghi bằng số (viết tay) không được thể hiện trong văn bản do công chứng viên đưa cho người yêu cầu công chứng đọc và ký tên xác nhận lên văn bản công chứng. Nhìn từ góc độ trách nhiệm của một công chứng viên, tại trang 3 của bản di chúc về “Lời chứng của công chứng viên”, nội dung ghi nhận về thời gian công chứng thể hiện là “Ngày **22** tháng 11 năm 2012 (ngày **hai mươi hai** tháng mười một năm hai nghìn mười hai), vào lúc **10** giờ **30** phút.” thì ngày ghi bằng số “**22**” và ngày ghi bằng chữ “**hai mươi hai**” tại trang 3 của bản di chúc đều được viết tay thể hiện Công chứng viên có kiểm tra văn bản công chứng, trong trường hợp có lỗi sơ suất trong khâu đánh máy sẽ được công chứng viên phát hiện ngay khi đọc đủ cả các trang của văn bản công chứng. Trong trường hợp phát hiện sai sót trước khi người yêu cầu lập di chúc ký tên thì Công chứng viên thu hồi bản thảo bị sai để sửa chữa, in ấn lại văn bản mới cho người lập di chúc ký tên. Trong trường hợp người lập di chúc đã ký tên trên văn bản công chứng, Công chứng viên sau khi đọc lại để ký tên xác nhận công chứng, nếu phát hiện sai sót sẽ thực hiện việc thu hồi văn bản ghi sai để ký lại hoặc thực

hiện việc sửa lỗi kỹ thuật trong văn bản công chứng theo quy định tại Điều 43 Luật công chứng năm 2006. Trong trường hợp này sai sót tại trang 1 di chúc ngày 22/11/2012 đến nay vẫn không được sửa chữa.

Trên cơ sở một tài liệu khác có trong hồ sơ công chứng là Phiếu khám sức khỏe (số 887258) do Bệnh viện quận BT thực hiện ngày 13/11/2012 thì khả năng người yêu cầu công chứng di chúc ký tên trên trang 1 di chúc trong trường hợp này được thực hiện vào ngày 15/11/2012 là có thể xảy ra.

[2.6.6] Quá trình thực hiện thủ tục trưng cầu giám định:

[2.6.6.1] Cấp sơ thẩm đã thực hiện trưng cầu Phân viện KH học hình sự tại TH1nh phố Hồ Chí Minh – C54B thực hiện giám định: Chữ ký mang tên Nguyễn Văn P, chữ viết dưới mục “Người lập di chúc” trên “Di chúc” đề ngày 22/11/2012 so với chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Văn P trên 9 tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M9 là có phải do cùng một người ký và viết ra hay không?

Tại Kết luận giám định số 397-1/C54B ngày 20/4/2018 của Phân viện KH học Hình sự tại TH1nh phố Hồ Chí Minh thuộc Viện KH học Hình sự thể hiện: *“Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Nguyễn Văn P, chữ viết dưới mục “Người lập di chúc” trên “Di chúc” đề ngày 22/11/2012 so với chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Văn P trên 9 tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M9 là có phải do cùng một người ký và viết ra hay không. Đề nghị TAND quận BT thu thêm mẫu chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Văn P trên các tài liệu có thời gian gần với thời gian xảy ra sự việc, số lượng không hạn chế. Tài liệu thu được gửi cùng tài liệu hiện có về Phân viện KH học Hình sự tại TH1nh phố Hồ Chí Minh để giám định”*.

Do đương sự không cung cấp được tài liệu mẫu để so sánh nên TAND quận BT không thực hiện đề nghị này của Phân viện KH học Hình sự tại TH1nh phố Hồ Chí Minh để T3 tục thực hiện việc giám định chữ ký.

[2.6.6.2] Sau khi kiểm tra, đối chiếu các bản di chúc bản chính và bản sao y, nhìn bằng mắt thường có thể nhận ra được sự khác nhau giữa các chữ ký của ông Nguyễn Văn P và mẫu mực sử dụng để ký các chữ ký này tại trang 1 và trang 2, xem xét yêu cầu giám định chữ ký của các bị đơn, Cấp phúc thẩm đã thực hiện trưng cầu Phân viện KH học hình sự tại TH1nh phố Hồ Chí Minh – C09B thực hiện giám định: Chữ ký ở góc dưới bên phải (nằm bên trên dòng chữ “TP”, dấu vân tay và chữ “ô. P”) tại trang số 1 và chữ ký nằm trên chữ Nguyễn Văn P tại trang số 2 của Di chúc số công chứng 36559, quyển số 11 ngày 22/11/2012 tại Phòng Công chứng số 6 có phải là do một người ký hay không.

Tại Kết luận giám định số 5744/C09B ngày 14/12/2020 của Phân viện KH học Hình sự tại TH1nh phố Hồ Chí Minh thuộc Viện KH học Hình sự thể hiện: *“Không đủ cơ sở kết luận chữ ký tại vị trí lẻ dưới, góc phải (trên chữ “TP”) ở trang 1 trên “Di chúc” số công chứng: 36559 đề ngày 22 tháng 11 năm 2012 (Bút lục từ số 192 đến 194 TAND Q.BT – Ký hiệu A) so với chữ ký mang tên Nguyễn Văn P dưới mục “Người lập di chúc” ở trang 2 trên cùng tài liệu cần giám định ký hiệu A là có phải do cùng một người ký ra hay không.”* do chữ ký có số lượng ít, khác hướng chuyển động, ít đặc điểm để truy nguyên người ký tên nên không đủ cơ sở kết luận giám định.

[2.6.6.3] Cấp phúc thẩm đã thực hiện trưng cầu Phân viện KH học hình sự tại TH1nh phố Hồ Chí Minh – C09B thực hiện giám định:

“- Chữ ký ở góc dưới bên phải (nằm bên trên dòng chữ “TP”, dấu vân tay và chữ “ô. P”) tại trang số 1 trên tài liệu “Di chúc” có số công chứng 36559, quyền số 11 lập ngày 22/11/2012 tại Phòng Công chứng số 6 **với** các chữ ký của ông Nguyễn Văn P tại trang 2, 3 trên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nH1 ở có số công chứng là 16518/HĐ-TCN có nội dung bên trong là Hợp đồng tặng cho nH1 được lập tại Phòng công chứng nH1 nước số 1 ngày 01/3/2001 **và** các chữ ký của ông Nguyễn Văn P tại các tài liệu (Bản khai nhân khẩu NK1 lập ngày 20/9/1976; Biên bản vi phạm điều lệ đăng ký và quản lý nhân hộ khẩu lập ngày 05/3/1984, Giấy cam kết bảo lãnh lập ngày 18/4/2005 và Phiếu báo thay đổi hộ khẩu nhân khẩu lập ngày 20/7/2005) có tại hồ sơ lưu trữ trong túi hồ số 47215 tại Tầng thư Công an quận BT ngày 20/5/2017 **có phải là** do một người ký hay không?

- Chữ ký nằm trên chữ Nguyễn Văn P tại trang số 2 của Di chúc số công chứng 36559, quyền số 11 ngày 22/11/2012 tại Phòng Công chứng số 6 **với** các chữ ký của ông Nguyễn Văn P tại trang 2, 3 trên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nH1 ở có số công chứng là 16518/HĐ-TCN có nội dung bên trong là Hợp đồng tặng cho nH1 được lập tại Phòng công chứng nH1 nước số 1 ngày 01/3/2001 **và** các chữ ký của ông Nguyễn Văn P tại các tài liệu (Bản khai nhân khẩu NK1 lập ngày 20/9/1976; Biên bản vi phạm điều lệ đăng ký và quản lý nhân hộ khẩu lập ngày 05/3/1984, Giấy cam kết bảo lãnh lập ngày 18/4/2005 và Phiếu báo thay đổi hộ khẩu nhân khẩu lập ngày 20/7/2005) có tại hồ sơ lưu trữ trong túi hồ số 47215 tại Tầng thư Công an quận BT ngày 20/5/2017 **có phải là** do một người ký hay không?

- Loại mực được sử dụng để thực hiện ký chữ ký ở góc dưới bên phải (nằm bên trên dòng chữ “TP”, dấu vân tay và chữ “ô. P”) tại trang số 1 và chữ ký nằm trên chữ “Nguyễn Văn P” tại trang số 2 của Di chúc số công chứng 36559, quyền số 11 ngày 22/11/2012 tại Phòng Công chứng số 6 có cùng một loại mực hay không?”

Tại Kết luận giám định số 5744/C09B ngày 14/12/2020 của Phân viện KH học Hình sự tại TH1nh phố Hồ Chí Minh thuộc Viện KH học Hình sự thể hiện:

“1. Chữ ký tại vị trí lẽ dưới, góc phải (trên chữ “TP”) ở trang 1 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký mang tên Nguyễn Văn P trên 5 bản chính tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M8, M9 (lưu tại Công an quận BT), M10 (lưu tại Phòng Công chứng số 1 – Tp.Hồ Chí Minh) do cùng một người ký ra.

2. Chữ ký mang tên Nguyễn Văn P dưới mục người lập di chúc ở trang 2 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký mang tên Nguyễn Văn P trên 5 bản chính tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M8, M9 (lưu tại Công an quận BT), M10 (lưu tại Phòng Công chứng số 1 – Tp.Hồ Chí Minh) là không phải do cùng một người ký ra.

3. Mực dùng để ký chữ ký tại vị trí lẽ dưới, góc phải (trên chữ “TP”) ở trang 1 so với chữ ký mang tên Nguyễn Văn P dưới mục người lập di chúc ở trang 2 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A là không cùng một loại mực”.

Căn cứ Kết luận giám định số 5744/C09B ngày 14/12/2020 của Phân viện KH học Hình sự tại TH1nh phố Hồ Chí Minh thuộc Viện KH học Hình sự xác định:

- Chữ ký tại vị trí lề dưới, góc phải (trên chữ “TP”) ở trang 1 trên di chúc có số công chứng 36559, quyển số 11 lập ngày 22/11/2012 tại Phòng Công chứng số 6 do ông Nguyễn Văn P ký.

- Chữ ký mang tên Nguyễn Văn P dưới mục người lập di chúc ở trang 2 trên di chúc có số công chứng 36559, quyển số 11 lập ngày 22/11/2012 tại Phòng Công chứng số 6 không phải do ông Nguyễn Văn P ký.

- Mục dùng để ký chữ ký tại vị trí lề dưới, góc phải (trên chữ “TP”) ở trang 1 không cùng một loại mục dùng để ký chữ ký mang tên Nguyễn Văn P dưới mục người lập di chúc ở trang 2 trên di chúc có số công chứng 36559, quyển số 11 lập ngày 22/11/2012 tại Phòng Công chứng số 6.

Điều này đã vi phạm quy định “*người yêu cầu công chứng đồng ý toàn bộ nội dung trong dự thảo hợp đồng, giao dịch thì ký vào từng trang của hợp đồng, giao dịch*” tại khoản 3 Điều 36 Luật công chứng năm 2006.

Chữ ký của người lập di chúc tại trang 1 và trang 2 của di chúc ngày 22/11/2012 khác nhau đã vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 653 Bộ luật dân sự năm 2005 (quy định: “2. *Di chúc không được viết tắt hoặc viết bằng ký hiệu; nếu di chúc gồm nhiều trang thì mỗi trang phải được đánh số thứ tự và có chữ ký hoặc điểm chỉ của người lập di chúc.*”)

[2.6.7] Về người làm chứng:

Tại thời điểm xác lập di chúc là ngày 22/11/2012 vào lúc **10 giờ 30 phút**, theo ghi nhận tại trang 1 của di chúc, thể hiện người lập di chúc có mời những người làm chứng là ông Kim Văn T3, sinh năm 1960, Chứng minh nhân dân số 024739687, hộ khẩu thường trú tại 66/40/27 Nhiêu Tứ, Phường 7, quận Phú Nhuận. Về thời điểm ông Nguyễn Văn P xác lập di chúc là ngày 22/11/2012 vào lúc **10 giờ 30 phút**; cuối trang 1 tại góc trái có chữ ký phía trên chữ viết ghi “Kim Văn T3”. Theo ghi nhận tại trang 3 của di chúc “Lời chứng của công chứng viên”, thể hiện thời gian công chứng là “Ngày **22** tháng 11 năm 2012 (ngày ***hai mươi hai*** tháng mười một năm hai nghìn mười hai), vào lúc **10 giờ 30 phút**.”

Tuy nhiên, theo ghi nhận tại trang 2 của di chúc, thể hiện nội dung xác nhận của người làm chứng là ông Kim Văn T3: “Hôm nay vào lúc 10h15 ngày 22/11/2012, tôi có chứng kiến ông Nguyễn Văn P tự nguyện lập bản di chúc này. ...”.

Nhận thấy:

-V
ề thời điểm người làm chứng chứng kiến việc ông Nguyễn Văn P xác lập di chúc xảy ra trước thời điểm ông Nguyễn Văn P xác lập di chúc được ghi nhận tại di chúc là 15 phút.

- T
rên cơ sở phân tích và kết luận giám định tại tiểu mục [2.6.6.3] thời điểm ngày 22/11/2012, nếu thực tế đúng như nội dung di chúc có số công chứng 36559, quyền số 11 lập ngày 22/11/2012 tại Phòng Công chứng số 6 thể hiện thì ông Kim Văn T3 đã chứng kiến việc ông Nguyễn Văn P ký tên vào trang 1 của di chúc và đồng thời chứng kiến một người khác viết dòng chữ “*Di chúc này là của tôi. Tôi đã đọc và đồng ý*”, ký tên, ghi họ tên Nguyễn Văn P dưới mục Người lập di chúc tại trang 2 của di chúc. Hành vi này đã vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 12 về các Hành vi bị cấm “*Nghiêm cấm người làm chứng có Hành vi gian dối, không trung thực.*”

[2.6.8] Từ các nhận định tại tiểu mục [2.6.1] đến [2.6.7] nói trên, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2005, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy có đủ cơ sở để xác định Di chúc có số công chứng 36559, quyền số 11 lập ngày 22/11/2012 tại Phòng Công chứng số 6 là không hợp pháp.

- Người lập di chúc không có yêu cầu công chứng bản di chúc theo quy định tại Điều 657 Bộ luật dân sự năm 2005, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 48 Luật công chứng năm 2006. Hình thức di chúc được xác lập tại cơ quan công chứng khi không có yêu cầu là vi phạm quy định về hình thức.

- Ngoài ra, người lập di chúc không tự nguyện xác lập di chúc theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 122 Bộ luật dân sự năm 2015 nên giao dịch dân sự này không có hiệu lực pháp luật.

- Cơ quan công chứng đã vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 3 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 40, khoản 1 Điều 48 Luật công chứng năm 2006 không thực hiện đúng các quy định của pháp luật về công chứng di chúc.

Việc Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn tuyên bố di chúc do ông Nguyễn Văn P lập ngày 22/11/2012 được Phòng công chứng số 6 Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận số công chứng 36559, quyền số 11 ngày 22/11/2012 là hợp pháp là chưa chính xác.

[2.7] Do di chúc lập ngày 22/11/2012 được Phòng công chứng số 6 Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận số công chứng 36559, quyền số 11 ngày 22/11/2012 là không hợp pháp, giao dịch dân sự là Hành vi pháp lý đơn phương về việc xác lập di chúc của ông Nguyễn Văn P không có hiệu lực pháp luật nên không làm phát sinh quyền thừa kế di sản của ông Nguyễn Văn P theo di chúc của người được thừa kế là ông Nguyễn Văn Duy Đ sau khi mở thừa kế.

[2.8] Di sản do ông Nguyễn Văn P chết để lại gồm: ½ giá trị nh1 đất tại địa chỉ số 547 ĐBP, Phường 25, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh và 1/16 giá trị nh1 đất tại địa chỉ số 547 ĐBP, Phường 25, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh mà ông P được thừa kế di sản do bà T chết trước để lại. Khối di sản này không phải thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào do người chết để lại cũng như các chi phí khác có liên quan.

[2.9] Phân chia di sản do ông P chết để lại: Do di chúc ngày 22/11/2012 không hợp pháp, không có hiệu lực pháp luật nên di sản của ông P để lại không được chia theo di chúc mà được chia thừa kế theo pháp luật. Khối di sản này được chia đều làm 7 phần bằng nhau cho 7 người con của ông P thuộc H1ng thừa kế thứ nhất theo quy định của pháp luật.

[2.10] Cộng Phần di sản mỗi đồng thừa kế được hưởng từ di sản do ông P chết để lại với Phần di sản mỗi đồng thừa kế được hưởng từ di sản do bà T chết để lại xác định mỗi đồng thừa kế được hưởng 1/7 giá trị di sản là nH1 đất tại địa chỉ số 547 ĐBP, Phường 25, quận BT, TH1nh phố Hồ Chí Minh.

[2.11] Đối với đề nghị của ông Nguyễn Văn Duy Đ và bà Nguyễn Thị Thanh N đang cư trú tại 547 ĐBP, Phường 25, quận BT xin được nhận thừa kế bằng tài sản là căn nH1 đang cư trú, hoàn lại cho các đồng thừa kế phần thừa kế mà họ được hưởng bằng tiền, do cả hai ông Đ, bà N đều xin nhận nH1 và giá trị tài sản không ổn định và thường xuyên thay đổi theo giá thị trường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.12] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TH1nh phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa về việc đề nghị chấp nhận kháng cáo của các bị đơn, huỷ bản án sơ thẩm do Cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ tình trạng minh mẫn, sáng suốt của người lập di chúc tại thời điểm xác lập di chúc. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng đã có đủ cơ sở xác định di chúc ngày 22/11/2012 là không hợp pháp nên không cần thiết huỷ án sơ thẩm, trả hồ sơ về Cấp sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Khoản 2 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí được tính như sau: Căn cứ đơn giá nH1 đất theo Biên bản định giá ngày 26/7/2019 của Hội đồng định giá do Cấp sơ thẩm lập thì giá trị nH1 đất tại địa chỉ số 547 ĐBP, Phường 25, quận BT, TH1nh phố Hồ Chí Minh là 12.677.847.115 đồng (làm tròn là 12.677.847.000 đồng). Mỗi thừa kế được hưởng 1/7 giá trị di sản là 1.811.121.000 đồng. Do đó mỗi đồng thừa kế phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia trong khối di sản thừa kế là 66.333.630 đồng. Ông Nguyễn Văn Duy Đ còn phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu công nhận di chúc ngày 22/11/2012 không được chấp nhận là 300.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Các bị đơn không phải chịu án phí theo quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ của các bị đơn bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị Thanh T1, bà Nguyễn Thị Thanh M, bà Nguyễn Thị Thanh N.

- Về nội dung: sửa một phần bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào:

- Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 192, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 11, khoản 1 Điều 13, Điều 121, điểm c khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 124, Điều 127, Điều 164, Điều 165, Điều 633, Điều 636, Điều 646, Điều 647, Điều 648, Điều 652, điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 653, Điều 657, Điều 674, điểm a, b khoản 1 Điều 675, Điều 676 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Điều 657, Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Luật Thi H1nh án dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, ông Nguyễn Văn Duy Đ đối với yêu cầu chia di sản thừa kế do bà Nguyễn Thị T chết để lại:

Xác định $\frac{1}{2}$ giá trị nH1 đất tại địa chỉ số 547 đường ĐBP, Phường 25, quận BT, TH1nh phố Hồ Chí Minh là di sản bà Nguyễn Thị T.

Xác định H1ng thừa kế thứ nhất đối với di sản của bà Nguyễn Thị T để lại gồm 8 đồng thừa kế gồm: chồng là ông Nguyễn Văn P và các con là bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị Thanh H, ông Nguyễn Văn Duy Đ, bà Nguyễn Thị Thanh L, bà Nguyễn Thị Thanh T1, bà Nguyễn Thị Thanh M, bà Nguyễn Thị Thanh N.

Di sản của bà Nguyễn Thị T được chia theo quy định của pháp luật, các đồng thừa kế mỗi người được thừa hưởng $\frac{1}{16}$ giá trị nH1 đất tại địa chỉ số 547 đường ĐBP, Phường 25, quận BT, TH1nh phố Hồ Chí Minh

2/ Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông Nguyễn Văn Duy Đ về việc yêu cầu Toà án công nhận Di chúc lập ngày 22/11/2012 được Phòng công chứng số 6 TH1nh phố Hồ Chí Minh chứng nhận số công chứng 36559, quyền số 11 ngày 22/11/2012.

Tuyên bố Di chúc lập ngày 22/11/2012 được Phòng công chứng số 6 TH1nh phố Hồ Chí Minh chứng nhận số công chứng 36559, quyền số 11 ngày 22/11/2012 với tên người lập di chúc là ông Nguyễn Văn P không hợp pháp và không có hiệu lực pháp luật. Ông Nguyễn Văn Duy Đ không được hưởng thừa kế di sản của ông Nguyễn Văn P để lại theo di chúc này.

Xác định di sản do ông Nguyễn Văn P chết để lại gồm $\frac{1}{2}$ giá trị nH1 đất tại địa chỉ số 547 đường ĐBP, Phường 25, quận BT, TH1nh phố Hồ Chí Minh

và 1/16 giá trị nH1 đất tại địa chỉ số 547 ĐBP, Phường 25, quận BT, TH1nh phố Hồ Chí Minh mà ông P được thừa kế di sản do bà T chết trước để lại.

Xác định H1ng thừa kế thứ nhất đối với di sản của ông Nguyễn Văn P để lại gồm 7 đồng thừa kế là các con của ông P gồm bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị Thanh H, ông Nguyễn Văn Duy Đ, bà Nguyễn Thị Thanh L, bà Nguyễn Thị Thanh T1, bà Nguyễn Thị Thanh M, bà Nguyễn Thị Thanh N.

Di sản của ông Nguyễn Văn P được chia theo quy định của pháp luật, các đồng thừa kế mỗi người được thừa hưởng 1/7 giá trị di sản do ông P chết để lại.

3/ Tổng cộng Phần di sản mỗi đồng thừa kế được hưởng từ di sản do ông P chết để lại và Phần di sản mỗi đồng thừa kế được hưởng từ di sản do bà T chết để lại, xác định mỗi đồng thừa kế được hưởng 1/7 (một phần bảy) giá trị di sản là nH1 đất tại địa chỉ số 547 ĐBP, Phường 25, quận BT, TH1nh phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi H1nh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi H1nh án dân sự thì người được thi H1nh án dân sự, người phải thi H1nh án dân sự có quyền thỏa thuận thi H1nh án, quyền yêu cầu thi H1nh án, tự nguyện thi H1nh án hoặc bị cưỡng chế thi H1nh án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật Thi H1nh án dân sự, thời hiệu thi H1nh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi H1nh án dân sự.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn Duy Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 66.633.630 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Đ đã đóng theo Biên lai thu số 0009548 ngày 03/01/2017 là 2.500.000 đồng và biên lai thu số 0004605 ngày 24/5/2018 là 300.000 đồng của Chi cục Thi H1nh án dân sự quận BT. Ông Đ còn phải đóng thêm là 63.833.630 đồng.

Bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị Thanh L, bà Nguyễn Thị Thanh N, bà Nguyễn Thị Thanh T1, bà Nguyễn Thị Thanh M mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 66.333.630 đồng.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị X số tiền 300.000 đồng đã tạm nộp theo biên lai thu số AA/2019/0017518 ngày 06/01/2020 của Chi cục Thi H1nh án Dân sự quận BT, TH1nh phố Hồ Chí Minh.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền 300.000 đồng đã tạm nộp theo biên lai thu số AA/2019/0017519 ngày 06/01/2020 của Chi cục Thi H1nh án Dân sự quận BT, TH1nh phố Hồ Chí Minh.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Thanh M số tiền 300.000 đồng đã tạm nộp theo biên lai thu số AA/2019/0017520 ngày 06/01/2020 của Chi cục Thi H1nh án Dân sự quận BT, TH1nh phố Hồ Chí Minh.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Thanh Thuý số tiền 300.000 đồng đã tạm nộp theo biên lai thu số AA/2019/0017521 ngày 06/01/2020 của Chi cục Thi H1nh án Dân sự quận BT, TH1nh phố Hồ Chí Minh.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Thanh N số tiền 300.000 đồng đã tạm nộp theo biên lai thu số AA/2019/0017517 ngày 06/01/2020 của Chi cục Thi Hành án Dân sự quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM;
- Tòa án nhân dân quận BT;
- Chi cục Thi H1nh án dân sự Q. BT;
- Các đương sự (để thi H1nh);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Tài

